

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lệ

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 188/2022/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐST – HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Mạnh C, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố V, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố V, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Đặng Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C xây dựng gia đình với bà Lê Thị H vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 03/11/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông C cho rằng bà H có nhiều mối quan hệ bên ngoài, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ cuối tháng 2 năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay ông C nhận thấy không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông C, bà H có 01 con chung là cháu Đặng Trí T, sinh ngày 28/9/2016. Hiện nay cháu đang sống với ông C. Nay ông C có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay ông C đang làm lao động tự do, đi lắp camera cho khách hàng, với mức thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông C giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H thống nhất với điều kiện và thời gian kết hôn như ông C đã trình bày. Bà H xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông C không tin tưởng bà và quản lý chi tiêu trong gia đình dẫn đến vợ chồng chung sống nhiều lần cãi vã, có khi xô xát lẫn nhau. Tuy nhiên bà H xác định những mâu thuẫn trên chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Bà H còn tình cảm với ông C nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C. Bà H mong muốn được đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông C có 01 con chung là cháu Đặng Trí T, sinh ngày 28/9/2016. Trường hợp ly hôn bà H không đồng ý giao cháu T cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng.

Hiện nay bà H đang làm công việc giúp việc nhà cho em gái là bà Lê Thị Đào với mức thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân: Bà H không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình với ông C. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Mạnh C đối với bà Lê Thị H, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C được ly hôn với bà H.

Về con chung: Giao cháu Đặng Trí T, sinh ngày 28/9/2016 cho ông Đặng Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Đặng Mạnh C đóng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các đương sự hiện đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa ông C, bà H là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”, là những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông C, bà H:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Ông Đặng Mạnh C và bà Lê Thị H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của ông C, bà H: Ông C xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ cuối tháng 2/2022 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức buổi hoà giải đề hướng vợ chồng ông C, bà H đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Bà H cũng xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông C không tin tưởng bà nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, có khi xảy ra xô xát. Tuy nhiên bà H cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông C không đến mức trầm trọng phải ly hôn nên bà không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ gia đình với ông C.

Xét yêu cầu được đoàn tụ gia đình của bà H thì thấy: Mặc dù bà H có mong muốn đoàn tụ gia đình, trong thời gian vợ chồng sống ly thân bà H đã nhiều lần liên hệ với ông C để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, ông C thừa nhận bà H có liên hệ với ông để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ liên hệ bằng cách nhắn tin qua điện thoại, không chuyển về chung sống với ông và con, chứng tỏ bà H chưa có động thái rõ ràng về mong muốn đoàn tụ gia đình với ông C. Mặt khác ông C xác định hiện nay không còn tình cảm với bà H và vẫn nhất quyết ly hôn. Điều này cho thấy trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C thì tình cảm vợ chồng của ông C, bà H cũng không có khả năng hàn gắn.

Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông C đối với bà H.

[2.2]. Về con chung: Ông C và bà H có 01 con chung là cháu Đặng Trí T, sinh ngày 28/9/2016.

Ông C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H không đồng ý giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con và điều kiện nuôi con của ông C, bà H thì thấy: Theo chứng cứ các đương sự cung cấp và sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa. Cho thấy, ông C có mức thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, bà H có mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Hiện nay cả ông C và bà H đều chưa có nhà riêng tuy nhiên ông C đã có đất riêng, bà H hiện đang ở nhà mẹ ruột tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và làm công việc giúp việc nhà. Như vậy, về điều kiện kinh tế thì ông C có mức thu nhập cao hơn bà H, về điều kiện nơi ở thì cả ông C, bà H đều chưa có nhà ở ổn định để bảo đảm cho cháu T có nơi ở ổn định.

Xét thấy, từ khi ông C và bà H sống ly thân đến nay, ông C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Cháu T sống cùng ông C tại nhà mẹ của ông C, cháu được ông C chăm sóc tốt và cho đi học ổn định, hiện nay cháu đang học tại Trường mầm non Thỏ Ngọc tại phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T nhưng hiện nay bà đang ở tại nhà mẹ ruột, thời điểm bà H sống ly thân với ông C bà cũng xác định do bà không có điều kiện để chăm sóc cháu T bằng ông C nên đã giao con cho ông C nuôi.

Như vậy xét về điều kiện kinh tế của ông C, điều kiện ổn định chỗ ở để học tập của cháu T nhằm đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần

của cháu T thì cần thiết giao cháu T cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà H mong muốn được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, hội đồng xét xử không giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên không xem xét đến yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bà H đưa ra.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Đặng Mạnh C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Mạnh C đối với bà Lê Thị H về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Mạnh C được ly hôn với bà Lê Thị H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Lê Thị H giao cháu Đặng Trí T, sinh ngày 28/9/2016 cho ông Đặng Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đặng Mạnh C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005988 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Đặng Mạnh C đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thu Hiền

